

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN KHÁNH VINH
TỈNH KHÁNH HÒA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 04/2017/DS-ST
Ngày 18 - 9 - 2017
V/v “Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KHÁNH VINH – TỈNH KHÁNH HÒA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Hiền

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Mạo
2. Ông Đỗ Hữu Minh Nghĩa

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Quốc Hay – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa: Bà Phan Thị Thoa - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự sơ thẩm thụ lý số: 07/2017/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2017 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2017/QĐXXST-DS ngày 31 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Lương Thị T, sinh năm 1953. Có mặt.

Địa chỉ: 47 đường T, tổ 6 thị trấn K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

2. *Bị đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim H, sinh năm 1969. Có mặt.

Địa chỉ: Tổ 2 thị trấn K, huyện K, tỉnh Khánh Hòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/5/2017, bản tự khai ngày 13/6/2017 và lời khai tại phiên tòa, nguyên đơn bà Lương Thị T trình bày:

Từ năm 2014 (âm lịch) đến năm 2015 (âm lịch) bà Nguyễn Thị Kim H có vay của bà và nhờ bà đứng tên mượn giùm người khác tổng số tiền 54.000.000 đồng. Mỗi lần vay bà H đều có làm giấy vay tiền cụ thể:

- Lần 1 vay số tiền 5.000.000 đồng hẹn tới ngày 29/7/2014 (âm lịch) trả;

- Lần 2 vay số tiền 2.000.000 đồng hẹn tới ngày 06/8/2014 (âm lịch) trả;
- Lần 3 vay số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 15/8/2014 (âm lịch);
- Lần 4 vay số tiền 3.000.000 đồng hẹn tới ngày 16/8/2014 (âm lịch) trả;
- Lần 5 vay số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 18/8 hẹn tới ngày 23/8/2014 (âm lịch) trả;
- Lần 6 vay số tiền 2.000.000 đồng vào ngày 20/8 (âm lịch) hẹn tới ngày 24/8 (âm lịch) trả;
- Lần 7 vay số tiền 5.000.000 đồng vào ngày 25/8/2014 (âm lịch) hẹn mười ngày sau trả;
- Lần 8 vay số tiền 4.000.000 đồng hẹn tới ngày 29/8/2014 (âm lịch) trả;
- Lần 9 vay số tiền 18.000.000 đồng hẹn tới ngày 17/9/2014 trả;
- Lần 10 vay số tiền 10.600.000 đồng hẹn tới ngày 30/02/2015 (âm lịch) trả;
- Lần 11 vay số tiền 6.000.000 đồng vào ngày 25/8/2014 (âm lịch) hẹn tới ngày 20/12/2015 (âm lịch) trả;

Tính đến năm 2016, bà H đã trả cho bà được số tiền 10.000.000 đồng. Từ tháng 11/2016 cho đến nay bà H không trả nữa. Nay bà khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho bà số tiền còn thiếu là 44.000.000 đồng. Phương thức trả bà T yêu cầu tòa buộc bà H phải trả một lần.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện, số tiền còn lại bà yêu cầu bà Nguyễn Thị Kim H trả là 22.000.000 đồng.

Tại bản tự khai ngày 13/6/2017, các biên bản lấy lời khai ngày 13/6/2017, ngày 17/7/2017 và tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H trình bày:

Vào khoảng năm 2014 bà có vay của bà Lương Thị T số tiền khoảng 5.000.000 đồng, khi vay bà có hẹn bà T ít ngày sau sẽ trả. Sau khi bà trả số tiền trên cho bà T thì lại tiếp tục vay của bà T những lần tiếp theo bà không nhớ cụ thể số lần và số tiền của từng lần vay cũng như ngày tháng vay. Nhưng lần nào vay tiền giữa bà và bà T đều lập giấy rồi đưa cho bà T giữ. Đến cuối năm 2015 bà và bà T có gặp nhau thỏa thuận chốt lại số tiền gốc bà còn nợ của bà T từ năm 2014 cho đến thời điểm chốt nợ là 18.000.000 đồng và 12.000.000 đồng tiền lãi. Theo thỏa thuận chốt nợ thì bà còn nợ bà T tổng số tiền là 30.000.000 đồng. Hai bên thỏa thuận bà sẽ trả dần cho bà T số tiền trên hàng tháng cho đến khi hết nợ. Sau thỏa thuận vào cuối năm 2015 bà có trả cho bà T được số tiền 8.000.000 đồng, trong số tiền đã trả cho bà T có lần do bà T trực tiếp tới lấy, có lúc do con gái bà T tên Thúy tới lấy và đều viết giấy ký nhận. Như vậy tính đến thời điểm hiện tại bà còn nợ bà T số tiền 22.000.000 đồng. Nay bà đồng ý trả cho bà T số tiền trên nhưng vì điều kiện kinh tế gia đình khó khăn nên xin được trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ.

Đối với ý kiến của người làm chứng bà Nguyễn Thị T trình bày:

Vào năm 2016 bà được mẹ đẻ là bà Lương Thị T nhờ đi gặp bà Nguyễn Thị Kim H để nhận tiền bà H trả cho bà. Bà nhớ đã gặp bà H lấy tiền giúp cho bà T 03 lần, bà không nhớ cụ thể ngày tháng nhận tiền nhưng tổng cộng số tiền bà lấy trong 03 lần là 5.000.000 đồng, mỗi lần nhận tiền bà đều ký nhận vào giấy cho bà H. Sau khi lấy tiền từ bà H về bà đều đưa lại đầy đủ cho bà T. Việc đi lấy tiền từ bà H là do bà T nhờ chứ bà không hề biết việc vay mượn giữa bà T và bà H do đó bà đề nghị Tòa án cho bà được vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án.

Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất được số tiền bà Nguyễn Thị Kim H còn nợ bà Lương Thị T là 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

Các vấn đề nguyên đơn và bị đơn chưa thống nhất được: Nguyên đơn bà Lương Thị T yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H phải trả cho nguyên đơn một lần số tiền còn nợ là 22.000.000 đồng. Bị đơn không đồng ý và đề nghị được trả dần hàng tháng mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Khánh Vĩnh, tỉnh Khánh Hòa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và đương sự từ khi thụ lý đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án là đúng theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ vào các Điều 463, 464, 465 và 466 Bộ luật dân sự 2015 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn một lần số tiền 22.000.000 đồng. Về án phí đề nghị HĐXX buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu 1.100.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Tòa án nhân dân huyện Khánh Vĩnh nhận định:

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tại phiên tòa hôm nay, người làm chứng bà Nguyễn Thị Thúy đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt và có lời khai xin vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án. HĐXX xét thấy việc vắng mặt của người làm chứng không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, do đó căn cứ vào Điều 229 Bộ luật tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt người này.

[3] *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng dân sự” theo quy định tại Khoản 3 Điều 26; Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[4] *Về áp dụng pháp luật nội dung:* Giao dịch dân sự (vay tiền) giữa nguyên đơn và bị đơn được thực hiện vào năm 2014. Việc vay tiền có lập hợp đồng nên được xác định quan hệ pháp luật giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp đồng vay tài sản theo quy định của Bộ luật dân sự năm 2005. Xét quan hệ pháp luật dân sự về hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn và bị đơn phù hợp với quy định của Bộ luật dân sự năm 2015 (có hiệu lực pháp luật từ ngày 01/01/2017) về nội dung và hình thức. Thời điểm phát sinh tranh chấp phát vào đầu năm 2017 nên áp dụng Bộ luật dân sự 2015 giải quyết.

[5] *Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lương Thị T:*

Thông qua mối quan hệ quen biết nên từ năm 2014 bà Lương Thị T có cho bà Nguyễn Thị Kim H vay tiền nhiều lần, mỗi lần vay hai bên đều có lập giấy. Khi thỏa thuận việc vay tiền và lập giấy hai bên có hẹn ngày trả, tuy nhiên bà H đã không trả đủ số tiền đã vay như đã thỏa thuận do đó phát sinh tranh chấp. Trong đơn khởi kiện bà Lương Thị T yêu cầu bà H phải trả số tiền còn thiếu là 44.000.000 đồng, chứng cứ bà cung cấp để chứng minh cho yêu cầu của mình là các giấy nhận nợ do bà H ký. Tuy nhiên, bà H không chấp nhận với yêu cầu của bà T, bà cho rằng số tiền bà còn nợ bà T là 22.000.000 đồng, chứng cứ bà xuất trình để chứng minh cho ý kiến của mình là giấy chốt nợ vào ngày 28/12/2015 (âm lịch) với số tiền bà còn nợ bà T tổng cộng là 30.000.000 đồng. Từ sau khi chốt nợ cho đến năm 2016 bà đã trả được cho bà T số tiền 8.000.000 đồng do đó bà chỉ còn nợ bà T 22.000.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Lương Thị T rút một phần yêu cầu khởi kiện và đồng ý với ý kiến của bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H về số tiền bà H còn nợ bà tính đến nay là 22.000.000 đồng.

Xét thấy, việc bà H nhiều lần vay tiền của bà T là hoàn toàn tự nguyện, không trái với quy định của pháp luật. Quá trình vay tiền của bà T, bà H có thực hiện nghĩa vụ trả dần cho bà T số tiền đã vay, sau đó hai bên thống nhất số tiền bà H còn nợ bà T từ năm 2014 cho đến ngày 28/12/2015 là 30.000.000 đồng (gồm 18.000.000 đồng tiền gốc và 12.000.000 đồng tiền lãi). Sau đó bà H tiếp tục trả cho bà T được số tiền 8.000.000 (tám triệu) đồng, số tiền nợ còn lại là 22.000.000 đồng bà H vẫn chưa trả. Mặc dù bà T đã nhiều lần yêu cầu bà H trả dứt điểm số tiền còn nợ nhưng bà H không thực hiện việc trả nợ. Sau khi hai bên phát sinh tranh chấp bà H xin trả dần hàng tháng, mỗi tháng 500.000 đồng cho đến khi hết số tiền còn nợ, bà T không đồng ý với đề nghị trả dần hàng tháng của bà H vì bà cho rằng việc trả nợ theo phương thức của bà H kéo dài thời gian làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà, bà yêu cầu bà H phải trả cho bà một lần số tiền trên. Hội đồng xét xử xét thấy bà T đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của bên cho vay theo quy định tại Điều 465 Bộ luật dân sự 2015, nhưng bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ của bên vay theo quy định tại Điều 466 Bộ luật dân sự 2015 đã làm ảnh hưởng đến quyền lợi hợp pháp của bà T. Xét yêu cầu bà H trả dứt điểm một lần số tiền 22.000.000 đồng của bà T là phù hợp với quy định của pháp luật nên chấp nhận.

[7] *Về án phí*: Bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng Khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 39, Khoản 1 Điều 147; Điều 229, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015;

- Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” của nguyên đơn bà Lương Thị T đối với bị đơn bà Nguyễn Thị Kim H.

2. Buộc bà Nguyễn Thị Kim H phải trả một lần cho bà Lương Thị T số tiền 22.000.000 (hai mươi hai triệu) đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án bên phải thi hành án còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

5. Về án phí:

- Bà Nguyễn Thị Kim H phải nộp 1.100.000 (một triệu một trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm

- Hoàn lại cho bà Lương Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.100.000 (một triệu một trăm ngàn) đồng theo biên lai số AA/2012/0006459 ngày 05 tháng 6 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

Quyền kháng cáo: Bà Lương Thị T, bà Nguyễn Thị Kim H có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Khánh Vĩnh;
- Chi cục THADS huyện Khánh Vĩnh;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu Hiền